

BÁO CÁO

**Về việc thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo,
giai đoạn 2005-2012**

Thực hiện Nghị quyết số 661/NQ-UBTVQH13 ngày 04/9/2013 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo, giai đoạn 2005-2012, UBND tỉnh Hưng Yên báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo, giai đoạn 2005-2012 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2005-2012

1. Việc xây dựng, ban hành các văn bản về giảm nghèo và kết quả thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về giảm nghèo

a) Việc xây dựng và ban hành văn bản về giảm nghèo

Giai đoạn 2005-2012, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để thể chế hóa và tổ chức thực hiện. Các văn bản tập trung vào cụ thể hóa các quy định của trung ương về giảm nghèo như: Hỗ trợ trực tiếp với hộ nghèo, người nghèo trong lĩnh vực nhà ở, vay vốn ưu đãi, nước sinh hoạt, tiếp cận dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dạy nghề, trong đó có một số văn bản quan trọng là:

- Nghị quyết số 90/2007/NQ-HĐND ngày 17/7/2007 của HĐND tỉnh Hưng Yên khóa XIV kỳ họp thứ 8 về miễn phí thủy lợi nông nghiệp;

- Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 17/4/2009 của UBND tỉnh về ban hành Đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Quyết định số 21/2010/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh chuyển qua Ngân hàng Chính sách xã hội để vay vốn đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của UBND tỉnh về quy định mức thu học phí, lệ phí trong các cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh năm học từ 2010-2015;

- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 26/10/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình Dạy nghề - Việc làm - Giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020;

- Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh về kế hoạch Giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015;

- Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh về quy định giá cho thuê nhà ở đối với học sinh - sinh viên tại khu nhà ở của Ban Quản lý nhà ở sinh viên...

b) Kết quả thông tin, tuyên truyền và phổ biến chính sách, pháp luật về giảm nghèo

Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về giảm nghèo được chú trọng, triển khai rộng rãi với nhiều hình thức, tiếp cận đến nhiều đối tượng. Thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền thông qua các hội nghị chuyên đề, các diễn đàn, các tài liệu tuyên truyền, nhất là các chương trình, chuyên mục trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Hưng Yên và các Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã; thông qua hoạt động tuyên truyền trực tiếp, đối thoại giảm nghèo được tổ chức hàng năm tại cơ sở, cộng đồng giúp các cấp, các ngành và người dân nhận thức được ý nghĩa, nội dung của các chương trình giảm nghèo, trách nhiệm trong công tác giảm nghèo; nắm bắt được các kiến thức pháp luật, chính sách ưu đãi của Nhà nước, các biện pháp giảm nghèo, quy trình điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo để phối hợp thực hiện, thụ hưởng và giám sát các hoạt động giảm nghèo.

2. Kết quả việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo

a) Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo

- Hỗ trợ người nghèo phát triển kinh tế được xác định là biện pháp giúp giảm nghèo bền vững. Tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận nguồn vốn phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm được ưu tiên thực hiện. Căn cứ quyết định phê duyệt kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, hàng năm các ngành, đoàn thể và các địa phương phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn hộ nghèo có nhu cầu vay vốn hoàn thiện hồ sơ, thủ tục vay vốn theo quy định, giúp cho 100% hộ nghèo có nhu cầu được vay vốn. Mỗi năm có khoảng 600 tỷ đồng vốn tín dụng ưu đãi được đầu tư cho hộ nghèo và đối tượng chính sách trong chương trình cho vay ưu đãi tạo việc làm, phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần cải thiện, nâng cao mức sống cho người nghèo. Số vốn các hộ nghèo được vay ngày càng tăng, khả năng quản lý và sản xuất của hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được nâng lên. Nhiều mô hình chăn nuôi, trồng trọt, tổ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ của người dân hoạt động hiệu quả và ngày càng tăng do có nguồn vốn vay ưu đãi này. Bên cạnh đó chương trình xuất khẩu lao động cho người nghèo cũng được đẩy mạnh, trong kỳ đã có trên 600 lao động thuộc hộ nghèo được hỗ trợ đi xuất khẩu lao động.

- Từ năm 2010, sau khi triển khai Đề án Dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng

Chính phủ, hoạt động dạy nghề cho người nghèo, cận nghèo được triển khai tích cực. Trong 3 năm từ 2010 – 2012 đã hỗ trợ dạy nghề cho trên 11 nghìn người, trong đó có trên 2 nghìn người thuộc hộ nghèo, 652 người thuộc hộ cận nghèo. Các nghề được hỗ trợ đào tạo chủ yếu là: May công nghiệp, cơ khí, điện, điện tử, hàn, sửa chữa xe máy... là những nghề đang được thị trường lao động của tỉnh có nhu cầu cao, giúp người nghèo dễ tìm việc làm và có thu nhập ổn định.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo về y tế, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp và UBND các xã, phường, thị trấn đã phối hợp lập danh sách người nghèo, người cận nghèo được mua thẻ Bảo hiểm y tế, trình UBND tỉnh phê duyệt. Việc mua, cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo được triển khai nghiêm túc, cơ bản kịp thời, ngay trong tuần đầu của tháng giêng hàng năm, đảm bảo đúng đối tượng, ngày càng hạn chế hiện tượng chậm, trùng lặp và sai sót trong quá trình cấp thẻ, đổi thẻ Bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo.

- Thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 – 2015, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và thực hiện việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí, lệ phí thi đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh. Từ khi chính sách được triển khai đến nay, đã miễn giảm học phí cho 20.727 học sinh; hỗ trợ học phí cho 19.394 học sinh các bậc học từ mầm non đến cao đẳng.

- Thực hiện Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh đã triển khai thực hiện Chương trình Tín dụng đối với học sinh, sinh viên. Đến nay đã có 33.651 học sinh, sinh viên tỉnh Hưng Yên thuộc đối tượng nghèo và cận nghèo được vay vốn tín dụng với số tiền là 622 tỷ 089 triệu đồng để theo học các trường đại học, cao đẳng, THCN và trung cấp nghề trong toàn quốc.

Chương trình Tín dụng đối với học sinh, sinh viên với nhiều ưu đãi đặc biệt (lãi suất thấp, trong thời gian học tập chưa phải trả nợ gốc và lãi, nếu trả nợ trước hạn được giảm 50% lãi suất tiền vay) là một cơ hội thuận tiện để nhiều học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục phấn đấu và trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định, giúp đỡ gia đình thoát nghèo.

- Thực hiện cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và xây dựng “Nhà đại đoàn kết”, Đề án Xoá nhà tranh vách đất trên địa bàn tỉnh đến năm 2008 đã huy động được trên 11 tỷ đồng hỗ trợ các hộ nghèo xây mới và sửa chữa 4.380 căn nhà. Từ năm 2009 - 2012, thực hiện Quyết định 167/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, UBND tỉnh đã ban hành và

triển khai Đề án Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, trong đó đã huy động kinh phí hỗ trợ xây mới và sửa chữa trên 2 nghìn căn nhà cho hộ nghèo; đồng thời tiếp tục rà soát, lập danh sách để có chính sách hỗ trợ trong giai đoạn tiếp theo, phần đầu trong giai đoạn 2012-2015 sẽ hỗ trợ xây dựng, sửa chữa khoảng 1,2 nghìn căn nhà cho hộ nghèo.

- Để người nghèo chủ động nắm bắt cơ hội thoát nghèo, nhiều hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật, chính sách cho người nghèo được triển khai. Cùng với các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật trên báo chí và hệ thống phát thanh - truyền hình trên địa bàn tỉnh, trung bình mỗi năm, Ban Chỉ đạo Giảm nghèo tỉnh tổ chức hàng chục hội nghị đối thoại về chính sách giảm nghèo tại cộng đồng. Hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo còn tổ chức lưu động hàng quý tại những địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao. Trong thời gian từ 2005-2012, đã tổ chức 234 buổi trợ giúp pháp lý lưu động, phát hàng vạn tờ rơi, tờ gấp, băng catset đến các xã, phường, thị trấn. Toàn tỉnh hiện đang duy trì 16 Câu lạc bộ Trợ giúp pháp lý, đây là hình thức trợ giúp pháp lý linh hoạt tại các địa phương giúp người nghèo và những đối tượng khó khăn dễ dàng tiếp cận, được tư vấn khi có nhu cầu trợ giúp pháp lý.

b) Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù

Với các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo; đến nay, toàn tỉnh không còn xã nghèo, không là địa bàn triển khai các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù.

c) Bố trí nguồn lực

Xác định giảm nghèo bền vững là một trong những mục tiêu quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, ổn định cuộc sống người dân trong tỉnh. Những năm qua, tỉnh đã bố trí trực tiếp cũng như lồng ghép nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội, thu hút đầu tư; có phương án sử dụng nguồn lực hợp lý, triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ người nghèo, góp phần cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho người nghèo, giúp nhiều hộ vươn lên thoát nghèo. Hiện nay, bên cạnh nguồn kinh phí do trung ương hỗ trợ, tỉnh đã bước đầu cân đối ngân sách dành chi hỗ trợ cho người nghèo và thực hiện việc vận động cộng đồng ủng hộ Quỹ Vì người nghèo để tăng cường nguồn lực cho mục tiêu giảm nghèo. Trung bình mỗi năm, Quỹ Vì người nghèo của tỉnh thu nhận được số tiền khoảng 4-5 tỷ đồng hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng, sửa chữa nhà ở, hỗ trợ vốn, giống cây con phát triển sản xuất... Năm 2011, UBND tỉnh đã ra quyết định trợ cấp cho 284 hộ nghèo có khả năng thiếu đói trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Thìn với mức là 500.000đ/hộ. Qua gần 10 năm hoạt động, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã giải ngân cho 415.898 lượt hộ với số tiền 3.157,3 tỷ đồng. Xây dựng 125.654 công trình nước sạch và vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nông thôn. Bên cạnh đó, các

chính sách bảo trợ xã hội cũng được triển khai thực hiện hỗ trợ, đảm bảo cuộc sống cho những đối tượng khó khăn.

d) Quy trình, cách thức xác định hộ nghèo

Để xác định danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội; hàng năm tỉnh Hưng Yên đã triển khai hoạt động điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy trình được hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; từ năm 2012 theo hướng dẫn tại Thông tư số 21/2012/TT-BLĐTBXH ngày 05/9/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và chỉ đạo cụ thể của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Việc làm và Giảm nghèo tỉnh. Việc rà soát, đánh giá hộ nghèo được thực hiện khách quan, công khai từ cấp cơ sở, với sự bình xét, giám sát của cộng đồng. Theo kế hoạch điều tra rà soát hộ nghèo của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh, Ban Chỉ đạo Giảm nghèo cấp xã trực tiếp thực hiện điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. Cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định kết quả điều tra; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách hộ thoát nghèo, cận nghèo; hộ nghèo, cận nghèo mới trên địa bàn huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên địa bàn tỉnh, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, công nhận.

Trên cơ sở danh sách các hộ nghèo đã được công nhận, UBND, Ban Chỉ đạo Giảm nghèo cấp xã chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể cùng cấp triển khai hoạt động tuyên truyền phổ biến các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, đồng thời đánh giá các nhu cầu hỗ trợ của các hộ (vay vốn, học nghề, tìm việc làm, kinh nghiệm sản xuất...), từ đó hướng dẫn các hộ nghèo lập hồ sơ, các thủ tục cần thiết để tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ xã hội.

Việc hỗ trợ hộ nghèo được thực hiện đồng bộ và có sự giám sát, hỗ trợ kịp thời của các cơ quan chức năng. Đặc biệt đối với các hộ có nhu cầu được vay vốn, các tổ chức đoàn thể giúp hộ nghèo tiếp cận nguồn vốn (như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên...) có sự giám sát và hỗ trợ để sử dụng nguồn vốn (như kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, bao tiêu sản phẩm, hạn chế rủi ro...) nhằm giúp người nghèo sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

Qua rà soát, đánh giá, phân loại hộ nghèo cho thấy, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nghèo đói là do thiếu đất, thiếu vốn, do ốm đau hoặc tai nạn, rủi ro, nhất là do thiếu kiến thức phát triển kinh tế. Do vậy, việc ban hành các chính sách theo hướng tạo sinh kế cho người nghèo sẽ giúp người nghèo chủ động, tích cực phát huy vai trò của bản thân, gia đình để thoát nghèo, mang lại hiệu quả giảm nghèo bền vững.

e) Trách nhiệm quản lý nhà nước

Thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về Chương trình giảm nghèo; UBND

tỉnh chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình giảm nghèo của tỉnh giai đoạn 2006 – 2010 và 2011-2015, đồng thời lồng ghép vấn đề giảm nghèo vào các chương trình có liên quan nhằm thúc đẩy mục tiêu giảm nghèo như: Chương trình việc làm, dạy nghề, xuất khẩu lao động, các chương trình dự án khuyến nông, khuyến ngư; khôi phục và phát triển làng nghề; các chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, tỉnh đã chỉ đạo thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội để trợ giúp hộ nghèo, người nghèo về pháp lý, nhà ở, giáo dục, y tế hay hỗ trợ người nghèo khi có thiên tai, lạm phát kinh tế, dịch bệnh...; tiến hành công tác kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm thực hiện công tác giảm nghèo đúng định hướng, nền nếp và đạt hiệu quả. Công tác giảm nghèo của tỉnh những năm qua đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, có sự tham gia chủ động, tích cực của các cấp uỷ đảng, chính quyền, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân, đặc biệt có sự tham gia của bản thân người nghèo.

Nhiều cơ quan, ban ngành, hội, đoàn thể trong tỉnh đã cụ thể hóa bằng những hoạt động thiết thực. Ủy ban MTTQ tỉnh chủ trì trong công tác vận động xây dựng Quỹ Vì người nghèo, xây dựng nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo. Hội Nông dân tỉnh đã xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chương trình giảm nghèo của tỉnh; qua đó tổ chức các hoạt động truyền thông phổ biến chính sách giảm nghèo đến hội viên nông dân; triển khai các hoạt động tín dụng ưu đãi cho hộ nông dân nghèo và các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ dạy nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật về tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống cho nông dân nghèo. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề cho hộ nghèo với tổng kinh phí 4.050 triệu đồng, đã hỗ trợ phát triển sản xuất cho 2.795 hộ nghèo, phát triển ngành nghề cho 950 lao động thuộc hộ nghèo; lồng ghép các mục tiêu giảm nghèo trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh với các phong trào “Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế”, “Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ” đã giúp cho 110.658 lượt phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, trong đó có trên 19 nghìn phụ nữ thuộc hộ nghèo về vốn, giống cây con, trị giá 137 tỷ đồng; giúp 8.968 hộ thoát nghèo. Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức tập huấn cho hàng ngàn lượt cán bộ làm công tác giảm nghèo cơ sở, phổ biến các chủ trương, chính sách giảm nghèo; là cơ quan thường trực phối hợp với các ngành, các địa phương thực hiện việc rà soát, quản lý đối tượng hộ nghèo, kịp thời thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ hộ nghèo. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh chỉ đạo các cấp bộ đoàn trong tỉnh triển khai các hoạt động an sinh xã hội, trong đó có các công trình “Nhà nhân ái”, xây dựng, tu sửa nhà cho các gia đình chính sách, người nghèo và cựu thanh niên xung phong có hoàn cảnh khó khăn...

Công tác giảm nghèo hiện nay mang tính phối hợp liên ngành. Để đảm bảo sự điều phối các hoạt động giảm nghèo, tỉnh đã thành lập và thường xuyên

kiện toàn Ban Chỉ đạo Giảm nghèo và Việc làm, trong đó thường trực là ngành Lao động - Thương binh và Xã hội. Ở cấp tỉnh, công tác giảm nghèo giao do Phòng Bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đảm nhiệm chính; cấp huyện, do một cán bộ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách. cấp xã do cán bộ phụ trách lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội đảm nhiệm, bên cạnh đó có sự hỗ trợ quan trọng của các trưởng thôn, trưởng khu phố - lực lượng chủ yếu trong quá trình điều tra, rà soát, quản lý và thực hiện các hoạt động hỗ trợ hộ nghèo.

Phối hợp thực hiện công tác giảm nghèo có cán bộ các ngành, đoàn thể các cấp (Ủy ban MTTQ, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngành Giáo dục và Đào tạo...). Đến nay, cán bộ làm công tác giảm nghèo trong tỉnh vẫn làm việc theo hình thức kiêm nhiệm, chưa có cán bộ chuyên trách. Hàng năm, đội ngũ này đều được tập huấn nâng cao năng lực, nghiệp vụ và cập nhật các chính sách mới cùng với kinh nghiệm thực tiễn để đảm nhiệm công việc, hầu hết chưa được đào tạo bài bản về lĩnh vực giảm nghèo. Đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, nhất là cấp cơ sở như hiện nay còn hạn chế về năng lực, trình độ; chưa đáp ứng được yêu cầu của lĩnh vực công tác này.

Nhìn chung, việc điều tra, rà soát theo dõi và thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo được thực hiện theo quy trình đảm bảo tính hệ thống, khách quan và minh bạch. Song trên thực tế, tại một vài địa phương vẫn còn tâm lý nể nang cục bộ, nên vẫn còn hiện tượng đánh giá hộ nghèo chưa chính xác.

Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chính sách giảm nghèo và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo được thực hiện thường xuyên. Trong giai đoạn vừa qua, chưa phát hiện các vi phạm, tiêu cực trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo.

g) Kết quả thực hiện chỉ tiêu về giảm nghèo

Từ năm 2010 đến nay đã có khoảng 19 nghìn hộ gia đình thoát nghèo. Theo kết quả rà soát hộ nghèo năm 2012, toàn tỉnh còn 59.850 người nghèo/22.210 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 6,77%; còn 54.480 người cận nghèo/15.997 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 4,87%, không còn hộ nghèo thuộc đối tượng người có công với cách mạng.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Những năm gần đây, kinh tế cả nước và của tỉnh bị ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, nhưng công tác giảm nghèo vẫn được quan tâm thực hiện, được coi là một giải pháp quan trọng để đảm bảo an sinh, ổn định xã hội. Trung ương và tỉnh tiếp tục bố trí kinh phí để triển khai có hiệu quả các chính sách giảm nghèo; kịp thời có các biện pháp hỗ trợ đời sống cho người nghèo như: Chính

sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, trợ cấp khó khăn đột xuất cho các đối tượng thu nhập thấp, hỗ trợ hộ nghèo thời điểm giáp hạt, hỗ trợ người nghèo ăn Tết Nguyên đán...; nguồn lực đầu tư cho các chính sách và chương trình giảm nghèo và an sinh xã hội như: Chính sách trợ giúp người nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, vay vốn tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề lao động nông thôn, các chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tiếp tục được duy trì và tăng cường. Thực hiện chỉ đạo của trung ương, các cấp chính quyền trong tỉnh đã nghiêm túc tổ chức triển khai rà soát, tham mưu với trung ương và tỉnh sửa đổi, hoàn thiện hệ thống chính sách giảm nghèo; xây dựng các giải pháp cụ thể, bố trí và đa dạng hóa nguồn lực, xây dựng các mô hình giảm nghèo. Các chương trình và chính sách giảm nghèo đã huy động được sức mạnh và sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội thực hiện có kết quả nhiều chương trình và chính sách giảm nghèo; tạo cơ hội cho người nghèo được tiếp cận thuận tiện hơn các chính sách trợ giúp của Nhà nước; cơ sở hạ tầng nông thôn được cải thiện rõ rệt; tỷ lệ hộ nghèo giảm, đời sống của người nghèo được từng bước cải thiện, an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Mục tiêu Chương trình giảm nghèo của tỉnh trong từng giai đoạn cơ bản hoàn thành (tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm giảm từ 1,5 đến 2%). Với việc thực hiện đồng bộ các chương trình, chính sách và các giải pháp về giảm nghèo đã từng bước góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn. Năm 2012, thu nhập bình quân đầu người trong toàn tỉnh đạt 28 triệu đồng (tăng gấp 4 lần so với năm 2005). Thời gian qua, mặc dù chịu ảnh hưởng của suy giảm kinh tế, song nhờ chú trọng, ưu tiên thực hiện tốt công tác giảm nghèo và bảo trợ xã hội nên đã góp phần đảm bảo đời sống nhân dân, trong đó có các hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng khó khăn.

Công tác giảm nghèo đã trở thành một nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Giảm nghèo để có cuộc sống ấm no, ổn định cũng là mục tiêu phấn đấu của bản thân hộ gia đình khó khăn, từng bước xóa đi tâm lý trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm nhanh nhưng chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo cao, mức thu nhập của người thoát nghèo thấp gần với mức chuẩn nghèo; cơ hội của người nghèo về việc làm ngày càng khó khăn do người nghèo hầu hết có trình độ học vấn và chuyên môn nghề nghiệp thấp, không đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động. Một bộ phận hộ nghèo chưa thực sự phấn đấu vượt khó, còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Mặc dù quy trình rà soát, điều tra hộ nghèo được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể, nhưng trên thực tế, tại một vài địa phương vẫn

còn tâm lý nể nang, cục bộ hoặc do trình độ chuyên môn của cán bộ cơ sở còn hạn chế nên vẫn còn hiện tượng xác nhận hộ nghèo chưa chính xác.

- Các chính sách giảm nghèo hiện hành cơ bản là phù hợp, đáp ứng được nhu cầu của người nghèo; tuy nhiên việc chậm hướng dẫn, sửa đổi một số chính sách đã gây khó khăn trong việc tổ chức thực hiện (như chính sách miễn giảm học phí tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP...)

- Chương trình, dự án về giảm nghèo còn phân tán, trùng lặp lĩnh vực can thiệp, tính lồng ghép chưa cao (nhiều ngành, nhiều đoàn thể cùng thực hiện) trong khi sự điều phối chung các chương trình, dự án giảm nghèo còn hạn chế, mỗi chương trình, dự án áp dụng cơ chế tài chính khác nhau nên hiệu quả điều phối, sử dụng nguồn lực chưa cao.

- Bên cạnh đó, việc thực hiện chính sách giảm nghèo còn gặp một số hạn chế, khó khăn khác như: Ngân sách địa phương còn hạn hẹp; cán bộ làm công tác giảm nghèo còn kiêm nhiệm, thiếu ổn định, năng lực yếu; khoảng cách giàu – nghèo có nguy cơ tiếp tục gia tăng; tình trạng thất nghiệp tăng do doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng suy thoái kinh tế...

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Mức đầu tư còn thấp so với nhu cầu thực tế; có nhiều chính sách giảm nghèo nhưng chủ yếu mang tính hỗ trợ (chính sách y tế, giáo dục, nhà ở...), trong khi chính sách đầu tư tạo sinh kế cho người nghèo chưa nhiều, suất đầu tư thấp (vay vốn tín dụng ưu đãi, vay vốn giải quyết việc làm, đào tạo nghề). Đặc biệt là các chính sách chưa thực sự hướng vào nâng cao năng lực thị trường cho người nghèo và hỗ trợ họ tiếp cận thị trường. Việc ban hành, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững còn chậm.

- Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa thường xuyên, nhất là trong việc chia sẻ thông tin, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo; sự phối hợp trong việc kiểm tra, giám sát việc vay và sử dụng vốn đối với hộ nghèo thiếu chặt chẽ, thường xuyên, đã ảnh hưởng phần nào đến khả năng tiếp cận của người nghèo đối với dịch vụ này.

- Chính sách đối với người nghèo được ban hành nhìn chung là phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của người nghèo nhưng việc chỉ đạo tổ chức thực hiện ở một số địa phương chưa cụ thể, sâu sát, hiệu quả.

- Công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về giảm nghèo chưa được tổ chức thường xuyên, còn một bộ phận người nghèo thiếu ý chí vươn lên thoát nghèo, trông chờ, ỷ lại vào hỗ trợ của nhà nước, cộng đồng.

4. Bài học kinh nghiệm

a) Cấp ủy, chính quyền các cấp phải quán triệt đầy đủ trách nhiệm, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội tham gia công tác giảm nghèo. Ở đâu cấp ủy, chính quyền quan tâm

chỉ đạo, có sự phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị ở địa phương, mở rộng sự tham gia của người dân thì ở đó công tác giảm nghèo đạt kết quả cao.

b) Mục tiêu giảm nghèo cần phải được lồng ghép trong các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh ngân sách nhà nước, cần có biện pháp huy động nguồn lực hỗ trợ từ các doanh nghiệp, cộng đồng nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo; các chính sách và nguồn lực phải được công khai, minh bạch, hỗ trợ đúng đối tượng và hiệu quả.

c) Khơi dậy ý chí vượt khó của bản thân người nghèo, đồng thời tạo cơ hội giúp họ nâng cao năng lực, có việc làm, có điều kiện sản xuất, kinh doanh... để họ chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững.

d) Thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước đến với người nghèo; nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công tác giảm nghèo, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên môn và cán bộ cấp cơ sở làm công tác giảm nghèo.

e) Công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chính sách giảm nghèo cần được tổ chức hiệu quả từ cơ sở; từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc tổ chức thực thi chính sách; thông qua đó, hạn chế các tiêu cực, lợi dụng chính sách, đồng thời phát hiện những bất hợp lý trong cơ chế, chính sách để kiến nghị sửa đổi, bổ sung kịp thời.

III. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp

a) Về thể chế, chính sách

- Rà soát, đánh giá, bổ sung và sửa đổi các chính sách giảm nghèo hiện hành; giảm dần các chính sách hỗ trợ mang tính trợ cấp, tăng các chính sách khuyến khích tính chủ động, vươn lên của người nghèo, trong đó cần có chính sách hỗ trợ đối với hộ cận nghèo. Nghiên cứu việc kéo dài thời gian thụ hưởng chính sách đối với hộ mới thoát nghèo để đảm bảo giảm nghèo bền vững như: Cho hộ mới thoát nghèo tiếp tục được hưởng các chính sách hỗ trợ (khám chữa bệnh, chính sách hỗ trợ trong giáo dục - đào tạo, chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi) như đối với hộ nghèo thêm từ 2-3 năm sau khi thoát nghèo.

- Nghiên cứu, ban hành chính sách khuyến khích, động viên, khen thưởng đối với hộ thoát nghèo, không tái nghèo; chính sách khen thưởng đối với địa phương giảm nghèo nhanh và bền vững.

b) Về tổ chức thực hiện

Phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể đối với các cấp, các ngành trong việc thực hiện các chính sách giảm nghèo, tránh chồng chéo hoặc phân tán các

mục tiêu, chương trình dự án về giảm nghèo. Các cấp cần ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách tạo điều kiện cho các địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng đối tượng các chính sách, dự án giảm nghèo trên địa bàn; hướng dẫn các địa phương tổ chức lồng ghép có hiệu quả nguồn lực từ các chương trình, dự án cho mục tiêu giảm nghèo.

c) Giải pháp về nguồn lực

- Tăng cường việc huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực; thực hiện lồng ghép các chính sách, chương trình, dự án để thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân phát huy truyền thống tương thân, tương ái của dân tộc, huy động thêm các nguồn lực từ cộng đồng, doanh nghiệp và người dân để chung tay, góp sức cùng toàn xã hội trong việc giúp đỡ người nghèo.

- Tăng cường đội ngũ khuyến nông và các hoạt động khuyến nông, các mô hình sản xuất có hiệu quả cho người nghèo để người nghèo tiếp cận nhiều hơn với khoa học, kỹ thuật, phương pháp sản xuất hiệu quả hơn, để từ đó tạo việc làm, nâng cao thu nhập.

2. Kiến nghị

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011-2020.

- Quan tâm bố trí, phân bổ nguồn lực; tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách giảm nghèo phù hợp với thực tiễn, chỉ đạo lồng ghép tập trung nguồn lực cho việc thực hiện các chính sách giảm nghèo.

- Đề nghị các bộ, ngành trung ương kịp thời hướng dẫn và triển khai các hoạt động nâng cao năng lực giảm nghèo cho các địa phương, nhất là những chính sách liên quan đến hỗ trợ giáo dục tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP về chính sách miễn giảm học phí; hỗ trợ y tế tại Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 về khám, chữa bệnh cho người nghèo...

- Cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp trong tỉnh chỉ đạo thực hiện kịp thời, đúng đối tượng các chính sách giảm nghèo; ưu tiên bố trí kinh phí hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập cho người nghèo; tổ chức thực hiện lồng ghép các chính sách, chương trình, dự án để thực hiện mục tiêu giảm nghèo; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về giảm nghèo; xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, phù hợp; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2005-2012. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. *a*

(Gửi kèm Báo cáo các Biểu: Số 1, 2b, 3a, 3b, 4 và 5)/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX^S.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Khắc Hòa

Biểu số 1: Các văn bản ban hành theo thẩm quyền hoặc chủ trì soạn thảo trình cơ quan có thẩm quyền ban hành giai đoạn 2005 - 2012

STT	Văn bản	Cơ quan ban hành	Trích yếu	Trạng thái			Hình thức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản
				Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ngày hết hiệu lực	
1	Nghị quyết số 90/2007NQ-HĐND	HĐND tỉnh	Về việc miễn phí thủy lợi nông nghiệp	17/7/2007	17/7/2007		Bảng Văn bản
2	Quyết định số 760/QĐ-UBND	UBND tỉnh	Về việc ban hành đề án hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	17/4/2009	17/4/2009		Bảng Văn bản
3	Quyết định số 21/2010/QĐ-UBND	UBND tỉnh	Về việc ban hành quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh chuyển qua ngân hàng chính sách xã hội để vay vốn đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh	15/10/2010	15/10/2010		Bảng Văn bản
4	Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND	UBND tỉnh	Về quy định mức thu học phí, lệ phí trong các cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	9/3/2011	9/3/2011		Bảng Văn bản
5	Nghị quyết số 06-NQ/TU	Tỉnh uỷ	Về Chương trình Đào tạo - Việc làm - Giám nghề tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011 - 2015 định hướng đến năm 2020	26/10/2011	26/10/2011		Bảng Văn bản
6	Kế hoạch số 159/KH-UBND	UBND tỉnh	Kế hoạch Giám nghề tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015	30/12/2011	30/12/2011		Bảng Văn bản
7	Quyết định số 1216/QĐ-UBND	UBND tỉnh	Về việc quy định giá cho thuê nhà ở đối với học sinh - sinh viên tại khu nhà ở của Ban quản lý nhà ở sinh viên...	4/7/2012	4/7/2012		Bảng Văn bản

Biểu số 2b: Thống kê về hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Hưng Yên

STT	Đơn vị	Tổng dân số	Tổng số hộ	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ % hộ nghèo	Tổng số hộ thoát nghèo	Tổng số hộ tái nghèo	Tổng số hộ cận nghèo	Tỷ lệ % hộ cận nghèo
I	Huyện Văn Lâm								
	2005	98206	23162	1157	5.00	337	10	903	3.90
	2006	99757	24023	1005	4.18	429	9	1027	4.28
	2010	107373	26889	1313	4.88	521	11	1238	4.60
	2011	110799	27578	1349	4.89	430	128	1170	4.24
	2012	112559	28906	1172	4.05	295	99	1218	4.21
II	Huyện Kim Động								
	2005		30976	3704	11.96	0	0	0	0.00
	2006		30976	3385	10.93	681	8	0	0.00
	2010		33629	5243	15.59	0	0	2397	7.13
	2011		35219	4043	11.48	0	0	1812	5.14
	2012		36139	3505	9.70	908	2144	1859	5.14
III	Huyện Yên Mỹ								
	2005	104415	26421	2626	9.94	84	224	1025	3.88
	2006	106052	27157	2435	8.97	122	685	1277	4.70
	2010	144058	37939	3684	9.71	524	450	1551	4.09
	2011	146224	39197	3380	8.62	501	867	2001	5.10
	2012	148170	40318	2556	6.34	1033	590	2135	5.30
IV	Huyện Phù Cù								
	2005	88979	22357	5447	24.36	596	1371	6392	28.59
	2006	89805	22761	4538	19.94	907	222	5599	24.60
	2010	90421	23748	2109	8.88	1811	552	2371	9.98
	2011	90978	24303	3767	15.50	0	1659	1800	7.41
	2012	91261	24464	2962	12.11	823	0	1413	5.78
V	Huyện Văn Giang								
	2005		0	0	0	0	0	0	0
	2006		0	0	0	0	0	0	0
	2010		25767	1459	5.66	0	0	930	3.61
	2011		26880	1241	4.62	5	0	827	3.08
	2012		25723	1152	4.48	263	0	902	3.51

STT	Đơn vị	Tổng dân số	Tổng số hộ	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ % hộ nghèo	Tổng số hộ thoát nghèo	Tổng số hộ tái nghèo	Tổng số hộ cận nghèo	Tỷ lệ % hộ cận nghèo
VI	Huyện Tiên Lữ								
	2005	98317	26911	3580	13.30	325	0	0	0
	2006	98795	34520	3375	9.78	205	0	0	0
	2010	97393	28799	3235	11.23	128	0	2625	9.11
	2011	99177	30189	2654	8.79	581	0	2289	7.58
	2012	97804	30691	2226	7.25	428	0	1958	6.38
VII	Huyện Khoái Châu								
	2005	185301	45527	1746	3.84	0	0	0	0
	2006	187799	43180	4701	10.89	0	0	0	0
	2010	196265	50060	4240	8.47	1038	1142	0	0
	2011	0	50236	5631	11.21	0	0	3680	7.33
	2012	0	50416.122	4856	9.63	0	0	2663	5.28
VIII	Huyện Mỹ Hào								
	2005	86078	20281	1581	7.80	0	0	0	0
	2006	87025	20520	1408	6.86	354	105	0	0
	2010	94680	24066	1673	6.95	0	0	1062	4.41
	2011	92190	24833	1492	6.01	314	282	948	3.82
	2012	97362	25301	1130	4.47	600	238	680	2.69
IX	Thành phố Hưng Yên								
	2005	0	0	0	0	0	0	0	0
	2006	0	0	0	0	0	0	0	0
	2010	86364	20747	1209	5.83	274	774	807	3.89
	2011	87963	21332	1130	5.30	290	719	665	3.12
	2012	89577	22032	899	4.08	334	757	588	2.67

Biểu số 3a: Nguồn vốn thực hiện các chương trình giảm nghèo giai đoạn 2005- 2010

STT	Chương trình	Năm 2005				Giai đoạn 2006- 2010				Năm 2010						
		Tổng số	Cơ sở hạ tầng	Vốn vay	Hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo*	CP QL, đào tạo nâng cao năng lực, theo dõi, đánh giá	Tổng số	Cơ sở hạ tầng	Vốn vay	Hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo	CP QL, đào tạo nâng cao năng lực, theo dõi, đánh giá	Tổng số	Cơ sở hạ tầng	Vốn vay	Hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo	CP QL, đào tạo nâng cao năng lực, theo dõi, đánh giá
I	Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo															
	1. Kế hoạch vốn	7320	6520	0	0	800	15245	5351	0	9894	6577	400	0	0	6177	
	- Tổng vốn	7320	6520	0	0	800	15245	5351	0	9894	6577	400	0	0	6177	
	- Ngân sách Trung ương	7320	6520			800	15245	5351		9894	6577	400			6177	
	- Ngân sách địa phương	0					0				0					
- Khác	0					0				0						
2. Thực hiện		4862	3962	0	0	900	12868	3836	0	9032	6039	0	0	0	6039	
	- Tổng vốn	4862	3962	0	0	900	12868	3836	0	9032	6039	0	0	0	6039	
	- Ngân sách Trung ương	4862	3962	0	0	900	12868	3836	0	9032	6039	0	0	0	6039	
	- Ngân sách địa phương	0					0				0				0	
	- Khác	0					0				0				0	
II	Chương trình 135	0					0				0					
III	Chương trình 62 huyện nghèo	0					0				0					
IV	Chương trình 134	0					0				0					
V	Khác	0	0	0	0	0	3505	2285	0	0	2780	2000	0	780	0	
	1. Kế hoạch vốn	0	0	0	0	0	3505	2285	0	0	2780	2000	0	780	0	
	- Tổng vốn	0	0	0	0	0	2895	2285	0	0	2390	2000	0	390	0	
	- Ngân sách Trung ương	0					2895	2285	0	0	2390	2000	0	390	0	
	- Ngân sách địa phương	0					0		0	0	0					
- Khác	0	0	0	0	0	0			0	2387	1998	0	389	0		
2. Thực hiện		0	0	0	0	0	2876	2267	0	0	2387	1998	0	389	0	
	- Tổng vốn	0	0	0	0	0	2876	2267	0	0	2387	1998	0	389	0	
	- Ngân sách Trung ương	0	0	0	0	0	2876	2267	0	0	2387	1998	0	389	0	
	- Ngân sách địa phương	0					2876	2267	0	0	2387	1998	0	389	0	
	- Khác	0					0		0	0	0					

Biểu số 3b: Nguồn vốn thực hiện các chương trình giảm nghèo giai đoạn 2011- 2012

STT	Chương trình	Năm 2011						Giai đoạn 2012					
		Tổng số	Cơ sở hạ tầng	Vốn vay	Hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo*	CP QL, đào tạo năng lực, theo dõi, đánh giá	Tổng số	Cơ sở hạ tầng	Vốn vay	Hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo	CP QL, đào tạo năng lực, theo dõi, đánh giá		
I	CTMTQG giảm nghèo	1012	0	0	0	1012	3033	0	2000	0	1033		
	1. Kế hoạch vốn	1012	0	0	0	1012	3033	0	2000	0	1033		
	- Tổng vốn	1012			0	1012	3033		2000		1033		
	- Ngân sách Trung ương	1012				1012	3033		2000		1033		
	- Ngân sách địa phương	0				0							
	- Khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	2. Thực hiện	1012	0	0	0	1012	3033	0	2000	0	1033		
	- Tổng vốn	1012	0	0	0	1012	3033	0	2000	0	1033		
	- Ngân sách Trung ương	1012			0	1012	3033		2000		1033		
	- Ngân sách địa phương	0				0							
	- Khác	0				0							
II	Chương trình 135												
III	Chương trình 62 huyện nghèo												
IV	Chương trình 134												
V	Khác	31590	4000	0	27590	0	27800	0	0	27800	0		
	1. Kế hoạch vốn	31590	4000	0	27590	0	27800	0	0	27800	0		
	- Tổng vốn	31590	4000		27590		27800		0	27800			
	- Ngân sách Trung ương	31590	4000		27590		27800			27800			
	- Ngân sách địa phương	0					0						
	- Khác	0		0		0	0	0	0	0	0		

STT	Chương trình	Năm 2011					Giai đoạn 2012				
		Tổng số	Cơ sở hạ tầng	Vốn vay	Hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo*	CP QL, đào tạo nâng cao năng lực, theo dõi, đánh giá	Tổng số	Cơ sở hạ tầng	Vốn vay	Hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo	CP QL, đào tạo nâng cao năng lực, theo dõi, đánh giá
	2. Thực hiện	31590	4000	0	27590	0	0	0	27800	0	
	- Tổng vốn	31590	4000	0	27590	0	0	0	27800	0	
	- Ngân sách Trung ương	31590	4000		27590				27800		
	- Ngân sách địa phương	0									
	- Khác										
VI	Tổng các chương trình, dự án	32602	4000	0	27590	1012	0	2000	27800	1033	
	1. Kế hoạch vốn	32602	4000	0	27590	1012	0	2000	27800	1033	
	- Tổng vốn	32602	4000	0	27590	1012	0	2000	27800	1033	
	- Ngân sách Trung ương	32602	4000	0	27590	1012	0	2000	27800	1033	
	- Ngân sách địa phương	0									
	- Khác	0		0			0				
	2. Thực hiện	32602	4000	0	27590	1012	0	2000	27800	1033	
	- Tổng vốn	32602	4000	0	27590	1012	0	2000	27800	1033	
	- Ngân sách Trung ương	32602	4000	0	27590	1012	0	2000	27800	1033	
	- Ngân sách địa phương										
	- Khác										

Ghi chú: * Hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo bao gồm hỗ trợ về nhà ở, giáo dục, y tế, sản xuất, việc làm

Biểu 4: Một số kết quả đạt được trong thực hiện chính sách giảm nghèo

TT	Nội dung	Năm 2005	Giai đoạn 2006-2010	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Số lượng hộ được vay vốn	3.042	13.228	13.522	13.238	13.229
	- Mức vay trung bình/hộ	3.9	8.7	10.2	12.7	14.5
2	Số lượng người nghèo được đào tạo nghề					
3	Về hỗ trợ nhà ở					
	- Tổng số hộ đáp ứng đủ tiêu chí để hưởng hỗ trợ			315		273
	- Số hộ đã được hỗ trợ	28	50		306	32
4	Về hỗ trợ đất sản xuất					
	- Tổng số hộ đáp ứng đủ tiêu chí để hưởng hỗ trợ					
	- Số hộ đã được hỗ trợ					
5	Các hỗ trợ sản xuất khác					
	- Tổng số hộ đáp ứng đủ tiêu chí để hưởng hỗ trợ					
	- Số hộ đã được hỗ trợ			169,1	505,7	519,5
6	Về bảo hiểm y tế					
	- Tổng số hộ đáp ứng đủ tiêu chí để hưởng hỗ trợ		36.568	6.751	12.520	9.113
	- Số hộ đã được hỗ trợ		36.568	6.751	12.520	8.542
7	Hỗ trợ miễn giảm học phí					
	- Tổng số hộ đáp ứng đủ tiêu chí để hưởng hỗ trợ					
	- Số hộ đã được hỗ trợ					
8	Trợ giúp pháp lý					
	- Số đợt trợ giúp pháp lý lưu động					
	- Số đợt tập huấn					

Biểu số 5: Thống kê tình hình cho vay vốn liên quan đến giảm nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội

STT	Nội dung	Năm 2005	Giai đoạn 2006 - 2010	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Tổng số vốn vay	124604	741815	173317	214615	213398
	Trong đó					
	- Hộ nghèo	124604	741815	173317	214615	213398
	- Hộ cận nghèo					
2	Tổng số hộ/ người được vay	26310	105850	15853	10456	10023
	Trong đó					
	- Hộ nghèo	26310	105850	15853	10456	10023
	- Hộ cận nghèo					
3	Vay vốn ưu đãi					
	Trong đó					
	- Hộ nghèo					
	* Số Hộ	26310	105850	15853	10456	10023
	* Số tiền (triệu đồng)	124604	741815	173317	214615	213398
	- Hộ cận nghèo					
	* Số Hộ					
	* Số tiền (triệu đồng)					
4	Cho vay hỗ trợ sản xuất					
	Trong đó					
	- Hộ nghèo					
	* Số Hộ	26310	105850	15853	10456	10023
	* Số tiền (triệu đồng)	124604	741815	173317	214615	213398
	- Hộ cận nghèo					
	* Số Hộ					
	* Số tiền (triệu đồng)					
5	Cho vay đi xuất khẩu lao động					
	- Số người	67	1310	265	188	133
	- Số tiền (triệu đồng)	733	31664	7532	5430	3862
6	Cho vay đối với học sinh, sinh viên					
	- Số người		58483	29628	40761	24535
	- Số tiền (triệu đồng)		284387	127414	206328	134943

2